TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Â T
TỈNH HƯNG YÊN
Án số: 15/2020/HSST
Ngày 06 tháng 5 năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Lương Thị T**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thanh B**
Ông **Trần Quang C**

Thư ký phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:
Bà **Nguyễn Thị H** – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện A T, tỉnh H Y mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/HSST ngày 26/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 27/3/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phí Đức T SN 1995** Giới tính: Nam.
Nơi sinh và nơi cư trú: A Đ, H H T, A T, H Y
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do Chức vụ: không Trình độ học vấn: 8/12
Họ tên cha: Phí Đức N sinh năm 1973, nghề N: Lao động tự do
Họ tên mẹ: Trần Thị B sinh năm 1974, nghề N: Trồng trọt
Anh trai Phí Đức T sinh năm 1994
Vợ, con: Chưa
Tiền án, tiền sự: Không
Nhân thân: Ngày 16/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Chấp hành xong bản án ngày ngày 22/11/2017.

Bị giam giữ từ ngày 02/01/2020 đến ngày 05/01/2020 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Vũ Đức N SN 2000** Giới tính: N
Nơi sinh và nơi cư trú: M L, H H T, A T, Hưng Yên
Quốc tịch: Việt N. Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề N: Lao động tự do Chức vụ: không. Trình độ học vấn: 9/12
Họ tên cha: Chưa xác định
Họ tên mẹ: Vũ Thị M sinh năm 1964, nghề N: Trồng trọt
Vợ, con: Chưa
Tiền án, tiền sự: Chưa có

Hiện bị can Vũ Đức N đang tại ngoại tại địa phương có mặt tại phiên tòa

Người tham gia tố tụng khác:
- *Bị hại:* **Chị Vũ Thị T SN 1980** *(vắng mặt)*
Trú tại: A N, V N, A T, Hưng Yên
- *Người làm chứng*: Anh **Nguyễn Văn Đ SN 1986** *(vắng mặt)*
Trú tại: P T, T P, A T, H Y

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26/11/2019, Phí Đức T rủ Vũ Đức N đi xem có nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau, N đồng ý. Khoảng 07 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 89K1 – 4936 chở N đi đến khu vực xã V N, huyện A T thì N bảo T đến nhà chị họ của N là Vũ Thị T ở thôn A N, xã V N để vào trộm cắp tài sản. T chở N đến gần khu vực nhà T thì dừng lại, T đứng ở bên ngoài cảnh giới. N đi bộ đến nhà chị T thấy không có ai ở nhà, cửa cổng không khóa nên N mở cửa đi vào sau đó mở cửa lách làm bằng tôn chỉ khép không khóa rồi đi vào bếp. N đi đến vị trí chiếc cửa gỗ từ bếp lên nhà, thấy cửa này có cài chốt ngang nhưng không chặt, N dùng tay phải kéo mạnh thì mở được cửa ra rồi đi vào phòng ngủ gia đình chị T. N mở cửa tủ quần áo tìm thấy 01 điện thoại Iphone 6S plus màu hồng có ốp nhựa màu hồng, N tắt nguồn điện thoại và cho điện thoại vào túi quần trước bên phải rồi mở cửa phụ ở phòng khách đi ra trước cửa, N dùng điện thoại đen trắng, nhãn hiệu Viêttel, nắp sim số 0977256512 gọi cho T vào máy Sam sung A20 nắp sim số 0974653771 và nói với T là "có ai ở bên ngoài không anh, không có ai thì đón em" thì T trả lời " ra đi" và tắt điện thoại. N đi ra cổng thì T điều khiển xe mô tô từ cổng đình thôn A N, xã V N lên đón N. T điều khiển xe mô tô chở N đi quay lại theo hướng đường cũ, khi đi được 200m thì N nói với T lấy được 01 điện thoại Iphone 6s Plus nhưng điện thoại có mật khẩu khóa màn hình và hỏi có chỗ nào mở được khóa điện thoại đồng thời lấy điện thoại cho T xem. T chở N đi tìm người để phá mật khẩu của điện thoại. Trên đường đi, N đã vứt chiếc sim và vỏ ốp bên ngoài điện thoại vừa trộm được ở ven đường. T và N đến cửa hàng điện thoại Giai Lạc mobile của anh Trần Văn Đ ở thôn P T, xã T P, huyện A T, N nói do say rượu không nhớ mật khẩu và nhờ anh Đ mở giúp khóa điện thoại. Đ cầm điện thoại mở được khóa màn hình xong thì N hỏi nếu bán thì giá bao nhiêu, Đ trả lời là 3.000.000 đồng. Lúc này, T bỏ chiếc điện thoại di động Sam sung A20 của mình ra hỏi Đ là cắm được bao nhiêu, Đ nói được 1.800.000đồng. T bảo với N để điện thoại Iphone 6s Plus cho T sử dụng, còn số tiền cắm điện thoại của T sẽ đưa cho N, N đồng ý. Sau khi đưa điện thoại của mình cho Đ và nhận 1.800.000đồng, T lấy 100.000đồng trong số 1.800.000 đồng vừa cắm điện thoại của T trả công phá khóa cho Đ hết 70.000 đồng, còn 30.000 đồng T cầm và đưa cho N 1.700.000 đồng. Sau đó, T chở N đến quán Internet tại thôn Thị Tân, xã T P, huyện A T để chơi game, tại quán Internet N đã cho T vay 400.000 đồng trong số tiền 1.700.000 đồng T đưa cho N, số tiền còn lại N đã nạp thẻ game và trả tiền chơi game hết. T cầm 430.000 đồng đã tiêu sài cá nhân hết. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 26/11/2019 chị T đi làm về và phát hiện bị kẻ gian đột nhập vào trong nhà trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 6 Plus đã trình báo với Công an huyện A T.

Tại kết luận định giá tài sản số 21/KL – HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện A T ngày 08/12/2019 kết luận: 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu hồng, mua mới từ ngày 09/6/2019 đã qua sử dụng đến nay có giá là 5.000.000 đồng; 01 ốp điện thoại Iphone 6S Plus bằng nhựa màu vàng, mua mới từ ngày 09/6/2019 đã qua sử dụng đến nay có giá là 100.000 đồng.

Đối với Phí Đức T sau thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 23/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T đã ra quyết định truy nã số 01 đối với T. Ngày 02/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T đã bắt được Phí Đức T theo Quyết định truy nã số 01 ngày 23/12/2019.

Đối với chiếc điện thoại đen trắng, nhãn hiệu Itel, nắp sim số 0977256512 N gọi cho T vào điện thoại Sam sung A20 nắp sim số 0974653771. Quá trình điều tra làm rõ chiếc điện thoại đen trắng, nhãn hiệu itel, nắp sim số 0977256512 của N, N đã làm mất không truy tìm được. Còn chiếc điện thoại Sam sung A20 nắp sim số 0974653771 của T cầm cố cho anh Đ. Sau đó, T không đến chuộc điện thoại nên anh Đ đã bán cho khách là người đàn ông không biết, tuổi, địa chỉ ở đâu, còn chiếc sim số 0974653771, khi T cắm chiếc điện thoại Sam sung A20 cho anh Đ, T đã tháo sim số 0974653771 ra cất vào túi quần sau đó T không biết bị rơi mất khi nào, ở đâu.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T đã quản lý 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, vỏ mặt sau có màu hồng, có số Imel: 353300073828029 và 01 xe máy nhãn hiệu Angel màu xanh trắng, biển số 89K1 – 4936 có số khung: D5H367804, số máy: VA2367804 do T tự giao nộp. Còn chiếc vỏ ốp bằng nhựa của điện thoại Iphone 6 Plus và chiếc sim điện thoại do T và N đã vứt đi sau khi trộm cắp được, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T ra quyết định xử lý vật chứng số 01, trả cho chị Vũ Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, vỏ mặt sau màu hồng có số Imel: 353300073828029, chị T đã nhận lại và không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu sơn xanh – trắng, biển số 89K1 – 4936 có số khung: D5H367804, số máy: VA2367804 là phương tiện T và N dùng trộm cắp tài sản, T khai mượn của ông Phí Đức N sinh năm 1973 ở thôn A Đ, xã H H T, huyện A T (là bố đẻ của T, ông N không biết T lấy xe mô tô để đi trộm cắp tài sản). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T xác minh đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Đăng Dinh sinh năm 1985 ở thôn Trà Bồ, xã Phan Sào N, huyện Phù Cừ, tỉnh H Y đã bán cho ông Phí Đức N. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T đã tra cứu kết luận không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 17/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T quyết định xử lý vật chứng số 09 trả cho ông Phí Đức N 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu sơn xanh – trắng, biển số 89K1 – 4936 có số khung: D5H367804, số máy: VA2367804, ông N đã nhận lại và không có yêu cầu gì.

Đối với anh Trần Văn Đ là người được N và T thuê phá khóa màn hình điện thoại Iphone 6S Plus nhưng anh Đ không biết điện thoại là do N và T trộm cắp mà có, ông Phí Đức N là người cho T mượn xe mô tô nhưng ông N không biết T dùng xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, các bị can Phí Đức T và Vũ Đức N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận của T, N phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 14 ngày 25/ 02 /2020 của VKS huyện A T , tỉnh H Y đã truy tố bị cáo Phí Đức T và Vũ Đức N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Đại diện VKS giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên xử Phí Đức T, Vũ Đức N phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Về hình phạt chính: Áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS.

Xử phạt bị cáo Phí Đức T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 02/01/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tính từ ngày đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

- Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T đã quản lý 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, vỏ mặt sau có màu hồng, có số Imel: 353300073828029 và 01 xe máy nhãn hiệu Angel màu xanh trắng, biển số 89K1 – 4936 có số khung: D5H367804, số máy: VA2367804 do T tự giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A T đã trả cho chị Vũ Thị T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus và trả cho ông Phí Đức N 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu sơn xanh – trắng, biển số 89K1 – 4936. Còn chiếc vỏ ốp bằng nhựa của điện thoại Iphone 6 Plus và chiếc sim điện thoại do T và N đã vứt đi sau khi trộm cắp được, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị T đã nhận lại chiếc điện thoại di động Iphone 6plus và ông N đã nhận lại chiếc xe máy biển số 89K1- 4936 nên không yêu cầu đề nghị gì. Chiếc vỏ ốp điện thoại của chị T mà N đã tháo ra vứt đi chị T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Việc T đã cắm chiếc điện thoại Sam Sung A20 của T cho anh Đ lấy 1.800.000 đồng rồi đưa cho N 1.700.000 đồng và bỏ ra 70.000 đồng để trả tiền công cho anh Đ phá khóa màn hình điện thoại Iphone 6plus trộm cắp được, T không yêu cầu N phải trả T số tiền trên. T vay của N 400.000 đồng trong số 1.700.000 đồng T đã đưa cho N, N không yêu cầu T phải trả N số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về lệ phí, án phí của Tòa án và Điều 135, Điều 136 BLHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Cơ quan điều tra công an huyện A T; Kiểm sát viên, VKSND huyện A T đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự , thủ tục tố tụng theo quy định của BLTTHS. các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Tại phiên toà, bị cáo Phí Đức T và Vũ Đức N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nh□ Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A T đã truy tố cụ thể: Khoảng 07 giờ ngày 26/11/2019, Vũ Đức N và Phí Đức T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus loại màn hình cảm ứng của chị T ở thôn A N, xã V N, huyện A T. Theo kết luận định giá tài sản số 21/KL – HĐĐG ngày 08/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Trị giá tài sản do bị cáo T, bị cáo N chiếm đoạt là 5.100.000đ.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ do Cơ quan CSĐT Công an huyện Ân Thi đã thu thập đ□ợc.

Xét hành vi trộm cắp của bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên có đủ nhận thức để biết rằng tài sản đó thuộc sở hữu của người khác nhưng vì lười lao động, muốn kiếm tiền một cách dễ dàng, các bị cáo đã cố ý chiếm đoạt nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, điều đó chứng tỏ các bị cáo rất coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời trước pháp luật nhằm trừng trị, giáo dục người phạm tội và răn đe những người khác.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên HĐXX có đủ cơ sở kết luận : Các bị cáo Phí Đức T và Vũ Đức N phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, VKSND huyện A T đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt ngoài việc đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, HĐXX còn cân nhắc xem xét đến các tình tiết tăng nặng. giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản và cảnh giới để bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu mức hình phạt cao hơn, còn bị cáo N

là người thực hành tích cực cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo T, bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; Bị cáo T có ông nội, bà nội được Nhà nước tặng huân, huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu, năm 2016 bị TAND huyện Phù Cừ, tỉnh H Y xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân nay lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, tại lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Đối với bị cáo N mặc dù có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên ngày 06/4/2020, Công an xã H H T có báo cáo gửi Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân huyện A T về việc bị cáo N trong thời gian tại ngoại tại địa phương đã không chấp hành pháp luật, có hành vi lừa dối chiếm đoạt tài sản của người thân trong gia đình, sử dụng ma túy đá, thường xuyên chửi bới, lăng mạ mẹ đẻ, đe dọa đập phá tài sản trong gia đình gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, Công an xã H H T đề nghị Tòa án xét xử nghiêm minh và có hình phạt nghiêm đối với bị cáo N. Do vậy, xét thấy cần thiết phải bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và làm gương cho những người khác.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm về vấn đề gì. Bị cáo T cũng không có yêu cầu gì về số tiền 1.700.000đ do cắm chiếc điện thoại của bị cáo đưa cho N nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Đã được xem xét giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phí Đức T và Vũ Đức N phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của BLHS đối với T.

Khoản 1 Điều 173, điểm s,i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của BLHS đối với N.

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lývà sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Phí Đức T 01 năm 06 tháng tù thời gian tính từ ngày 02/01/2020
Vũ Đức N 01 năm tù thời gian tính từ ngày thi hành án

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo*:* Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- VKSND tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan điều tra CA huyện A T
- Trại tạm giam công an tỉnh H Y;
- Lưu HS;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thị T